

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN G  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/KDTM-ST

Ngày 21 - 8 - 2018

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Văn Quảng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Quốc Bảo.

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Vương Tân Lập - Thư ký Toà án Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2018/TLST-KDTM ngày 11 tháng 4 năm 2018 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXXST-KDTM ngày 10 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam; địa chỉ: Số 35, đường Hàng Vôi, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc T; địa chỉ: Số 13, đường Phan Bội Châu, phường Hội Thương; thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

(Theo Quyết định ủy quyền số 252/QĐ-BIDV.NGL ngày 07/3/2018 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Gia Lai).

2. Bị đơn: Bà Trần Thị H; sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn Y, xã Y, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Ngọc Q; sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn Y, xã Y, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong Đơn khởi kiện ngày 07 tháng 3 năm 2018 của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam; trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Ngọc T trình bày:*

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam thông qua Chi nhánh G— Phòng giao dịch T (Ngân hàng) có cho hộ kinh doanh Trần Thị H vay tiền theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016/8327159/HĐTD ngày 08/12/2016, số tiền vay là 400.000.000 đồng, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động kinh doanh mua bán hàng nông sản, thời hạn vay từ ngày 09/12/2016 (tính theo ngày giải ngân cho bên vay) đến ngày 08/9/2017, phương thức trả nợ là lãi hàng tháng, nợ gốc trả cuối kỳ. Mức lãi suất trong hạn là 10%, mức lãi suất quá hạn bằng 120% lãi suất trong hạn.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Trần Thị H có trả cho Ngân hàng được số tiền lãi là 31.911.111 đồng. Khi hết thời hạn của Hợp đồng tín dụng thì bà H không trả số tiền nợ gốc và nợ lãi phát sinh cho Ngân hàng. Vì bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ số tiền vay của bà H đã được chuyển nợ quá hạn từ ngày 08/9/2017.

Khi vay tiền, để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng trên có Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/8327159/HĐBĐ ngày 03/3/2016 được ký giữa Ngân hàng với bà H và chồng của bà H là ông Nguyễn Ngọc Q. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại làng Ore 2, xã Ia Grăng, huyện G, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 632930 do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp ngày 29/01/2016; thửa đất số 71; tờ bản đồ số 32; có tổng diện tích 23.036,2m<sup>2</sup>.

Nay Ngân hàng yêu cầu: Bà Trần Thị H phải trả số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn tạm tính đến ngày 21/8/2018 là 44.800.000 đồng và toàn bộ lãi phát sinh đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ. Trường hợp bà Trần Thị H không trả được số nợ trên thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

*Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Ngọc Q trình bày:*

Bà Trần Thị H có vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam số tiền 400.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016/8327159/HĐTD ngày 08/12/2016 nhưng do bà H làm ăn thua lỗ nên không có khả năng trả nợ, vì vậy ông Q đồng ý với việc khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Ông Q có cùng với bà H ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/8327159/HĐBĐ ngày 03/3/2016 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản

trên đất tại làng H, xã G, huyện G, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 632930 do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp ngày 29/01/2016; thửa đất số 71; tờ bản đồ số 32; có tổng diện tích 23.036,2m<sup>2</sup>.

Nay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam khởi kiện thì ông Q đồng ý với yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam về việc xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/8327159/HĐBĐ ngày 03/3/2016 để thu hồi nợ.

Trong quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho bà Trần Thị H nhưng bà H không đến Tòa án làm việc, vì vậy không có lời khai và yêu cầu của bà H trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa.

*Ý kiến của Viện kiểm sát:*

- Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Đảm bảo theo quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng, bị đơn thực hiện không đúng quy định của pháp luật.

- Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Có quá thời hạn giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Chấp nhận các yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

*Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án gồm có:* Đơn khởi kiện ngày 07/3/2018; Quyết định ủy quyền số 252 ngày 07/3/2018; Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 8695 ngày 28/10/2016; Quyết định về việc bổ nhiệm lại cán bộ số 2247 ngày 25/7/2016; Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh ngày 14/10/2015; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 14/10/2015; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 27/4/2012; Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất kinh doanh, đầu tư khác ngày 05/12/2016; Hợp đồng tín dụng ngày 08/12/2016; Hợp đồng thế chấp bất động sản ngày 03/3/2016; Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 04/3/2016; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 632930 cấp ngày 29/01/2016; Đơn xin xác nhận tình trạng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 26/02/2016; Thông báo nợ vay quá hạn ngày 08/12/2017; Chứng minh nhân dân Trần Thị H, Nguyễn Ngọc Q; Sổ hộ khẩu Nguyễn Ngọc Q; Điều lệ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh đăng ký lần đầu ngày 10/3/2015; Bản tự khai Nguyễn Ngọc T; Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 07/5/2018; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 23 tháng 5 năm 2018; Biên bản xác minh ngày 04/7/2018.

*Các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Không.*

*Các tình tiết mà các bên không thống nhất: Không.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Tại Điểm 9 của Hợp đồng tín dụng số 01/2016/8327159/HĐTD ngày 08/12/2016 được giao kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam thông qua Chi nhánh G– Phòng giao dịch T với hộ kinh doanh Trần Thị H có nội dung thỏa thuận lựa chọn Tòa án giải quyết tranh chấp là Tòa án nhân dân thành phố P, tuy nhiên sự lựa chọn Tòa án giải quyết tranh chấp của các bên phải tuân thủ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 đó là Tòa án nơi có trụ sở của nguyên đơn. Trong vụ án này nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam có trụ sở tại số 35, đường H, quận K, thành phố Hà Nội vì vậy việc thỏa thuận lựa chọn Tòa án giải quyết tranh chấp của các bên nêu trên không có hiệu lực.

Đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (viết tắt là Ngân hàng) có hình thức và nội dung đúng theo quy định tại Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Ngân hàng đối với bà Trần Thị H có địa chỉ tại thôn Y, xã Y, huyện G, tỉnh Gia Lai mà Tòa án nhân dân huyện G đang tiến hành là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc giao kết hợp đồng giữa Ngân hàng với hộ kinh doanh Trần Thị H là hai chủ thể có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận nên đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hộ kinh doanh Trần Thị H chỉ do một mình bà Trần Thị H làm đại diện hộ kinh doanh mà không có cá nhân nào khác góp vốn thành lập theo như nội dung được xác định trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh số 39F8 000930, đăng ký lần đầu ngày 10/3/2015 do Phòng Tài chính Kế hoạch huyện G, tỉnh Gia Lai cấp, vì vậy việc Ngân hàng chỉ khởi kiện yêu cầu bà H trả nợ là đúng quy định.

[2] Về thời hạn của Hợp đồng tín dụng số 01/2016/8327159/HĐTD ngày 08/12/2016 được giao kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam thông qua Chi nhánh G– Phòng giao dịch T với hộ kinh doanh Trần Thị H: Trong nội dung của Hợp đồng tín dụng số 01/2016/8327159/HĐTD ngày 08/12/2016 xác định thời hạn vay từ ngày 08/12/2016 đến ngày 08/9/2017, tuy nhiên việc giải ngân cho bà Trần Thị H được Ngân hàng thực hiện vào ngày 09/12/2016 vì vậy Ngân hàng xác định thời hạn hợp đồng tính từ ngày

09/12/2016 đến ngày 08/9/2017, điều này có lợi hơn cho bà H nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu của Ngân hàng:

Theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016/8327159/HĐTD ngày 08/12/2016, số tiền vay là 400.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 09/12/2016 đến ngày 08/9/2017, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động kinh doanh mua bán hàng nông sản, phương thức trả nợ là lãi trả hàng tháng, nợ gốc trả cuối kỳ, mức lãi suất trong hạn là 10%, mức lãi suất quá hạn bằng 120% lãi suất trong hạn. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà H chỉ trả cho Ngân hàng số tiền nợ lãi là 31.911.111 đồng, tính đến nay thì bà H còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 44.800.000 đồng. Xét, Hợp đồng tín dụng số 01/2016/8327159/HĐTD ngày 08/12/2016 giữa nguyên đơn với bị đơn được giao kết hợp pháp nên nó phát sinh hiệu lực, các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã cam kết. Nhưng vì bị đơn vi phạm nghĩa vụ của bên vay nên việc khởi kiện và yêu cầu bị đơn phải trả nợ cho nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại Điều 471, Điều 474 của Bộ Luật Dân sự năm 2005 và theo thỏa thuận tại Điểm 6 của Hợp đồng tín dụng số 01/2016/8327159/HĐTD ngày 08/12/2016.

Về yêu cầu trong trường hợp bà H không trả được số nợ trên thì Tòa án cho xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Khi vay tiền, để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng, giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam thông qua Chi nhánh G— Phòng giao dịch Tvới bà H và chồng của bà H là ông Nguyễn Ngọc Q có giao kết Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/8327159/HĐBĐ ngày 03/3/2016. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại làng H, xã G, huyện G, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 632930 do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp ngày 29/01/2016; thửa đất số 71; tờ bản đồ số 32; có tổng diện tích 23.036,2m<sup>2</sup>. Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, ông Q đều thừa nhận việc giao kết Hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên và đồng ý với yêu cầu của Ngân hàng về việc xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ. Vì vậy căn cứ vào Điều 355 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Hợp đồng tín dụng số 01/2016/8327159/HĐTD ngày 08/12/2016 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/8327159/HĐBĐ ngày 03/3/2016, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; bà H phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 177, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết.

- Áp dụng Điều 355, Điều 471, Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

2. Buộc bà Trần Thị H phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam tổng số tiền nợ tính đến ngày 21 tháng 8 năm 2018 là 444.800.000 đồng (*bốn trăm bốn mươi bốn triệu, tám trăm nghìn đồng*), trong đó nợ gốc là 400.000.000 đồng (*bốn trăm triệu đồng*), nợ lãi quá hạn là 44.800.000 đồng (*bốn mươi bốn triệu, tám trăm nghìn đồng*).

3. Trong trường hợp bà Trần Thị H không trả đủ số tiền nợ nêu trên cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp. Tài sản thế chấp được xác định theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/8327159/HĐBĐ ngày 03/3/2016 được giao kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam thông qua Chi nhánh G–Phòng giao dịch Tvới bà Trần Thị H và ông Nguyễn Ngọc Q.

4. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

5. Về án phí: Buộc bà Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 21.792.000 đồng (*hai mươi một triệu, bảy trăm chín mươi hai nghìn đồng*). Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam không phải chịu án phí nên hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam số tiền 10.275.111 đồng (*mười triệu, hai trăm bảy mươi lăm nghìn, một trăm mười một đồng*) đồng tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0004717 ngày 10 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên toà thì có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Văn Quảng**